CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Ngày 31/12/2025	6,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**20.4%**	**12.6%**

DT thuần
Q4/25
34.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.00| 29.7%
YoY: ▼9.20| -20.9%

LN thuần
Q4/25
-1.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.88| -155%
YoY: ▼3.34| -170%

LN sau thuế
Q4/25
-1.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.52| -160%
YoY: ▼2.77| -191%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
2.3%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE
2025
0.4%
YoY: +/-▼ 0.7%

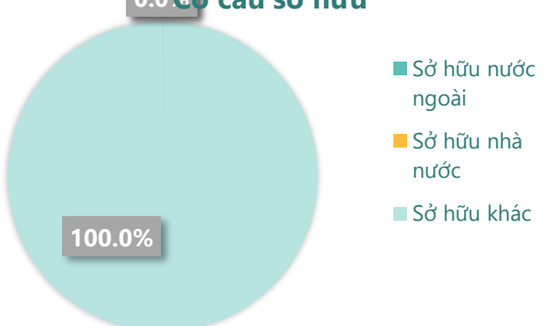
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,133 - 7,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	78
Số lượng CPLH (CP)	12,012,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,945
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.21
EPS	54
P/E	120.7

DT thuần
2025
116
tỷ VNĐ
YoY: ▼24.0| -17.3%

LN thuần
2025
1.07
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.70| -61.3%

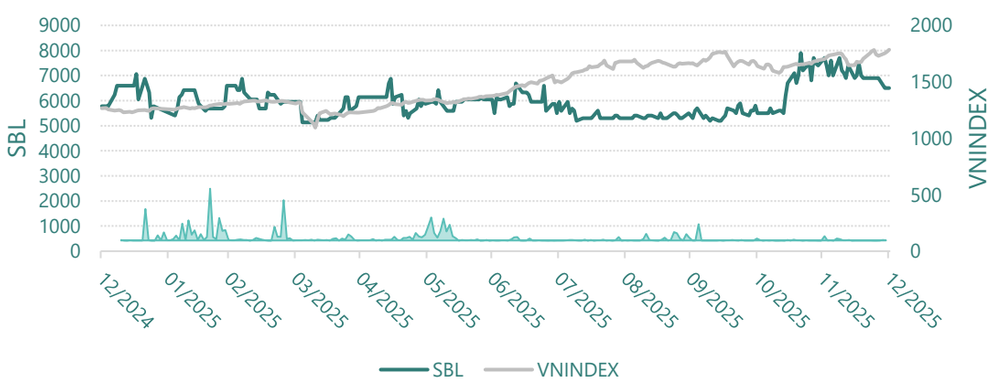
LN sau thuế
2025
0.65
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.29| -66.6%

Cơ cấu sở hữu

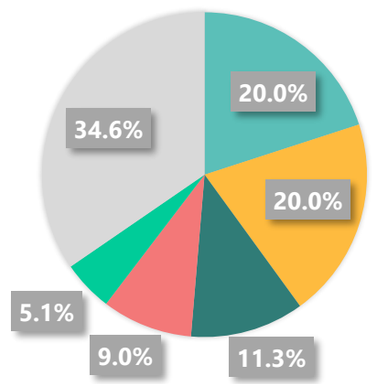


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

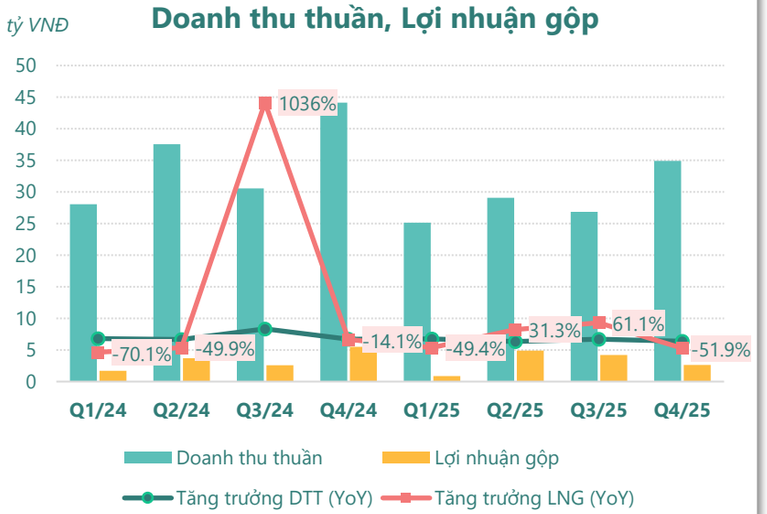


- Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
- CTCP Bia Sài Gòn - Miền Tây
- Nguyễn Thị Phương Khanh
- Nguyễn Duy Hưng
- Phạm Thị Hồng Hạnh (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

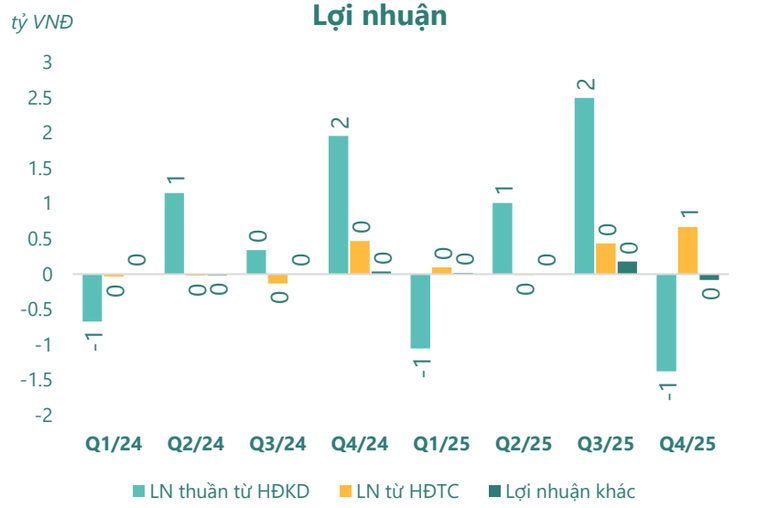
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



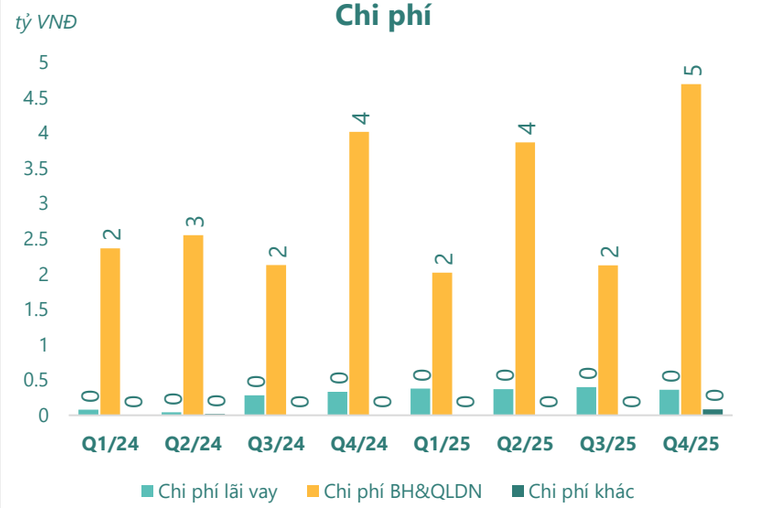
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



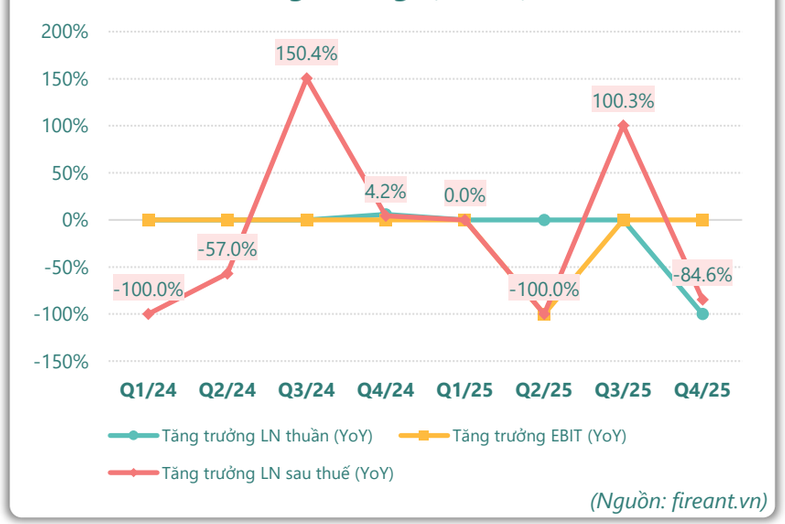
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



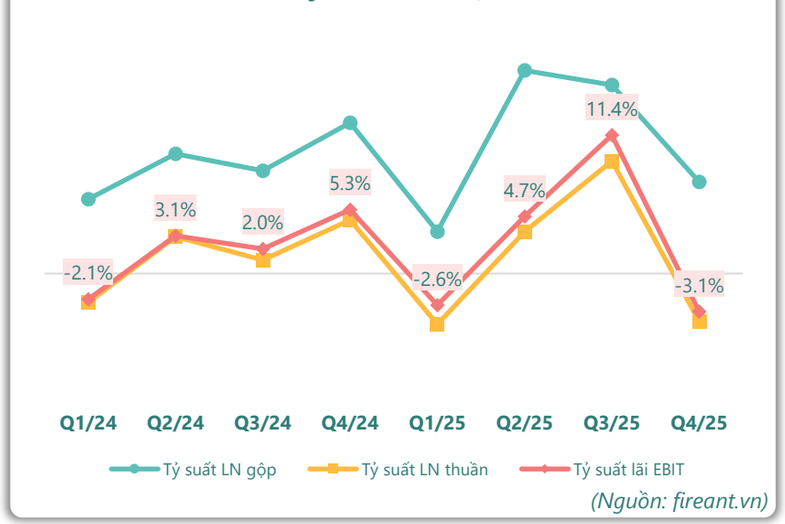
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



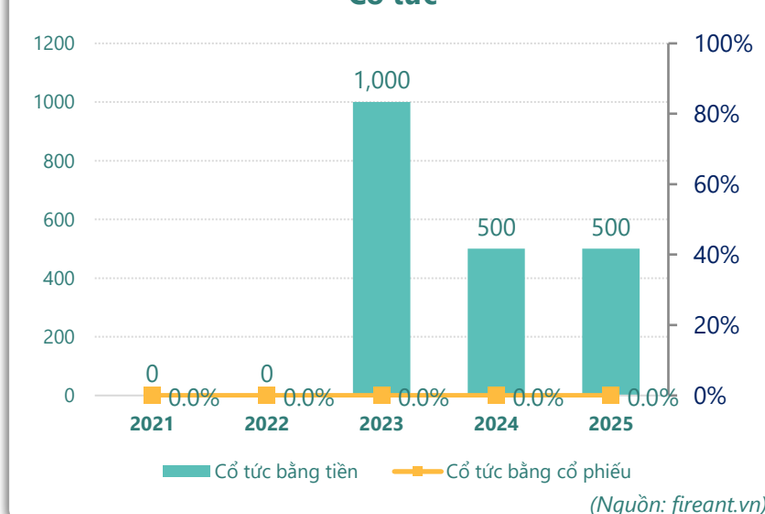
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

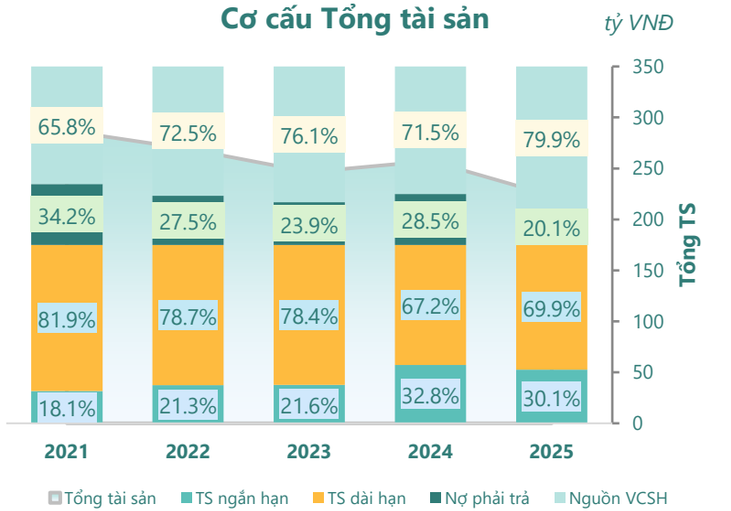
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

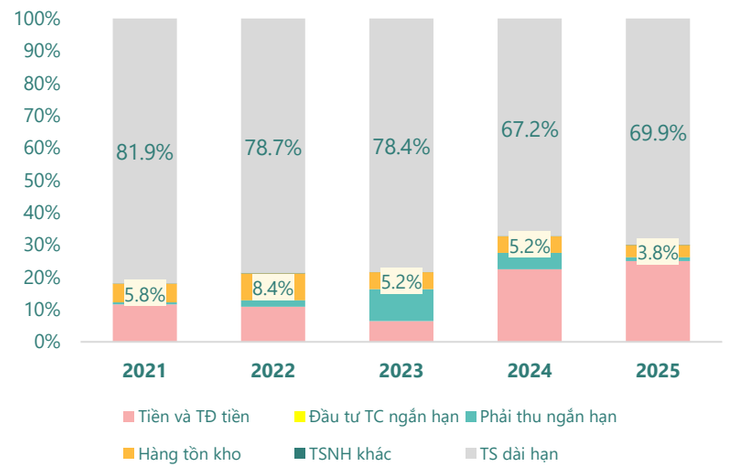
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



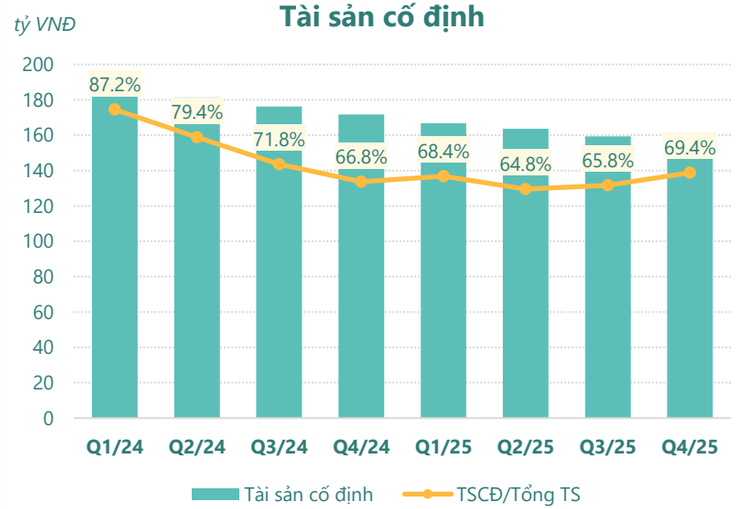
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



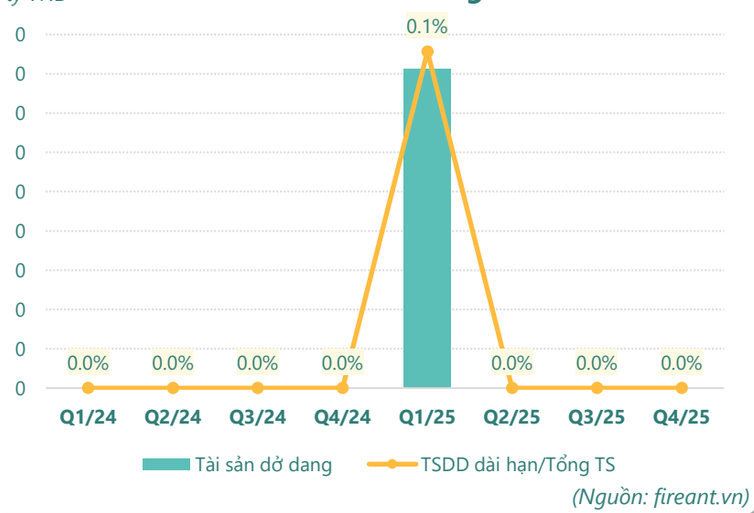
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



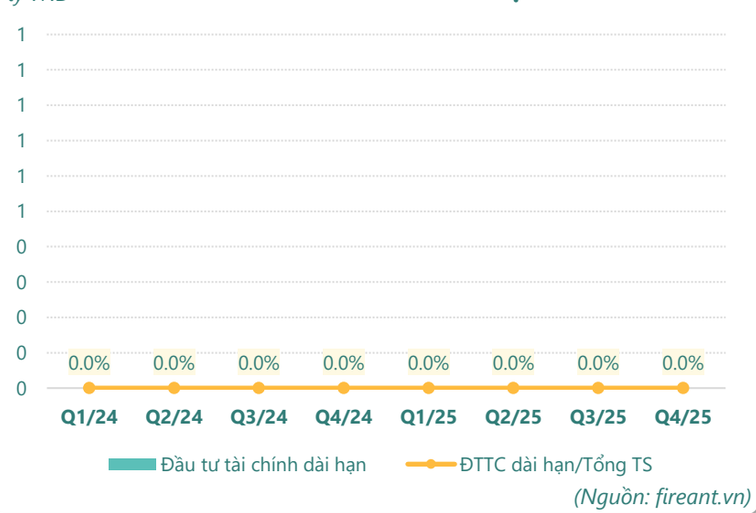
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



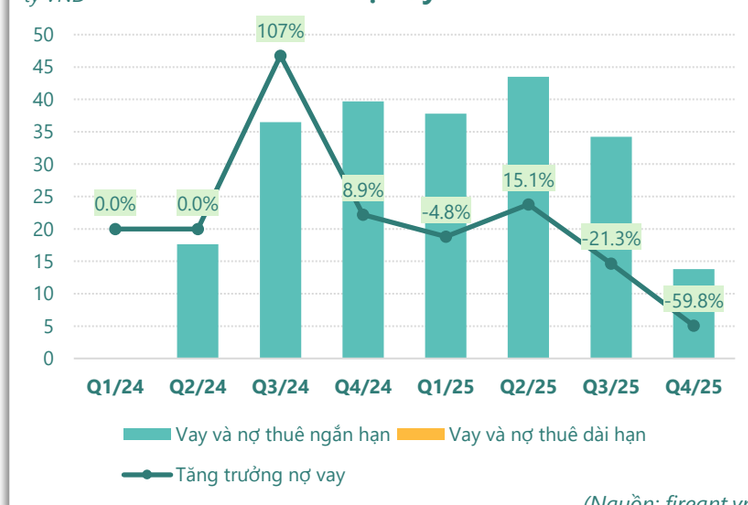
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

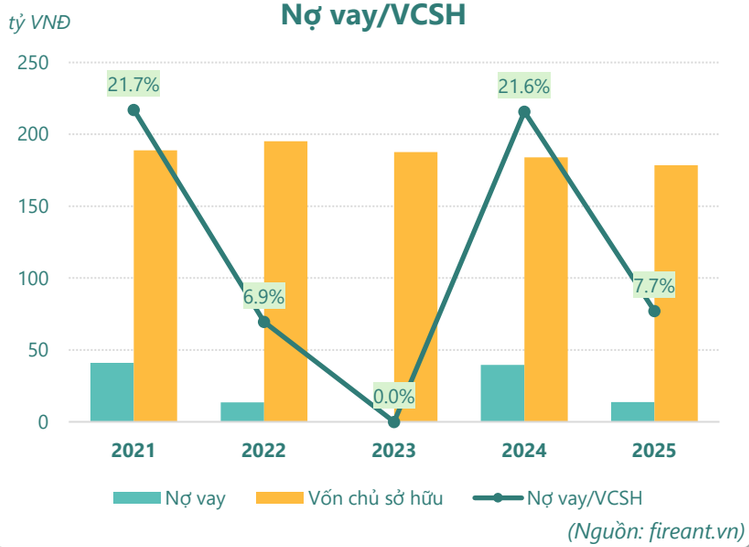
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

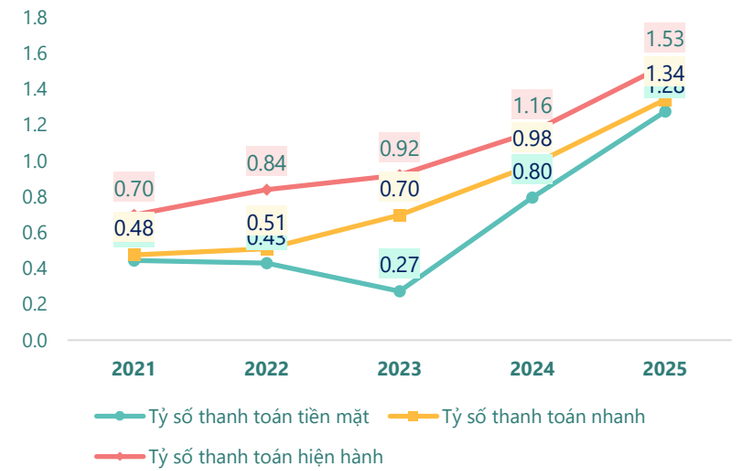
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



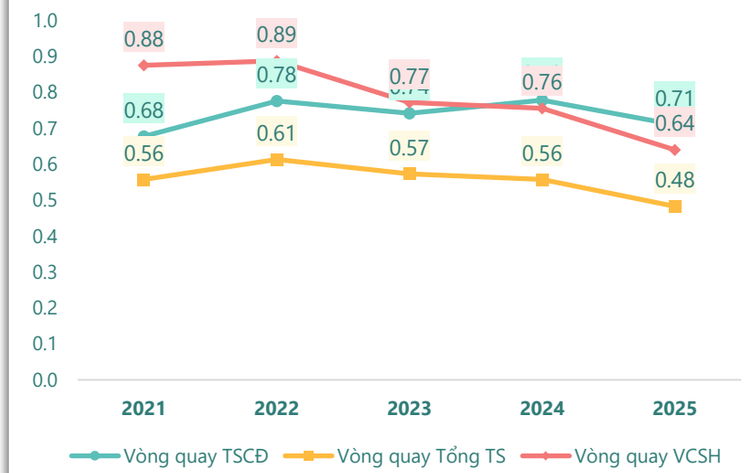
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



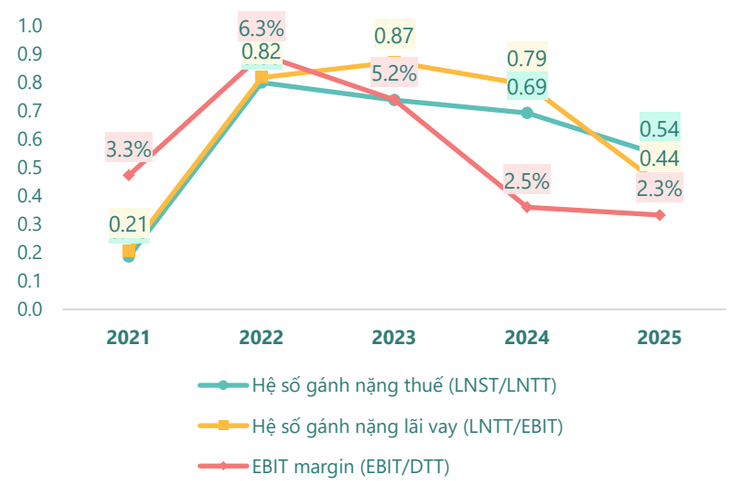
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



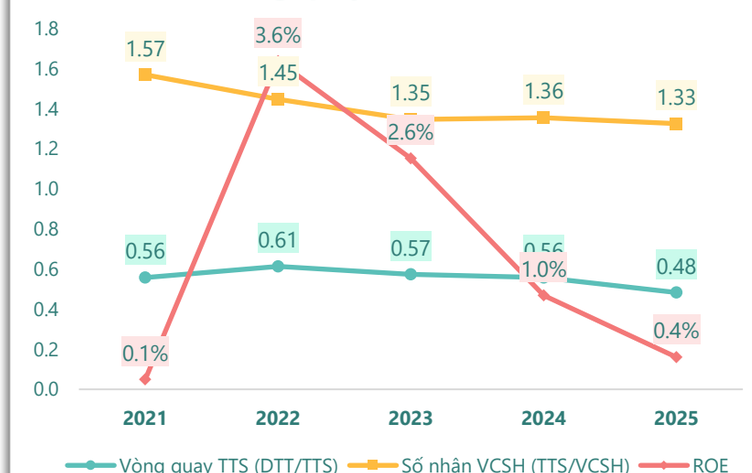
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



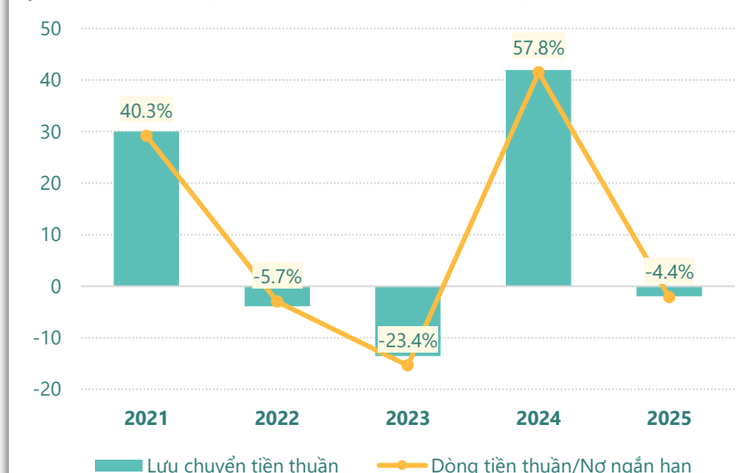
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**34.9**	**44.1**	**-20.9%**	**116**	**140**	**-17.3%**
Giá vốn hàng bán	32.2	38.6	-16.5%	103	127	-18.4%
Lợi nhuận gộp	2.65	5.50	-51.8%	12.6	13.6	-7.1%
Doanh thu HĐTC	1.03	0.80	28.6%	2.70	1.02	163%
Chi phí TC	0.36	0.33	9.7%	1.51	0.74	104%
Chi phí lãi vay	0.36	0.33	9.7%	1.51	0.74	104%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.71	1.78	-4.0%	1.92	2.07	-7.3%
Chi phí QLDN	**2.98**	**2.24**	**33.2%**	**10.8**	**8.99**	**20.0%**
LN thuần từ HĐKD	-1.38	1.96	-170%	1.07	2.77	-61.3%
Lợi nhuận khác	**-0.08**	**0.04**	**-307%**	**0.11**	**0.02**	**396%**
LN trước thuế	-1.46	2.00	-173%	1.19	2.80	-57.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.32**	**1.45**	**-191%**	**0.65**	**1.94**	**-66.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.32**	**1.45**	**-191%**	**0.65**	**1.94**	**-66.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.6	3.66	2.58	8.34	3.26	14.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.15	0.84	-0.40	-3.77	-45.9	51.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.4	3.23	-1.90	5.70	-14.8	-20.7
Tiền đầu kỳ	16.8	50.0	57.7	58.0	68.3	10.9
Lưu chuyển tiền thuần	**33.2**	**7.73**	**0.28**	**10.3**	**-57.4**	**44.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	50.0	57.7	58.0	68.3	10.9	55.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**223**	**257**	**-13.2%**
Tài sản ngắn hạn	67.1	84.3	-20.4%
Tiền và tương đương tiền	55.8	57.7	-3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.65	13.0	-79.7%
Hàng tồn kho	8.42	13.4	-37.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.26	0.15	73.1%
Tài sản dài hạn	**156**	**173**	**-9.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	155	172	-9.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.12**	**1.15**	**-3.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	44.8	73.2	-38.8%
Nợ ngắn hạn	**43.8**	**72.6**	**-39.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.8	39.7	-65.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.56	4.67	-45.2%
Nợ dài hạn	1.04	0.61	71.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**178**	**184**	**-3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**178**	**184**	**-3.0%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)